

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2022
THEO PHƯƠNG THỨC XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT (ĐỢT 1)**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
1	Trần Thị Trà My	22/11/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M07	25.05
2	Ngô Thị Hoài Ân	17/03/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M05	24.45
3	Lê Thị Mỹ Hồng	15/11/2003	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M14	24.35
4	Trần Thị Liên	01/03/1998	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M05	23.35
5	Bùi Thị Phương Anh	8/9/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M05	23.05
6	Nguyễn Ngọc Ánh	21/10/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M06	22.80
7	Nguyễn Thanh Hoa	23/01/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M07	22.55
8	Nguyễn Thị Khánh Nguyên	12/05/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M07	22.40
9	Đinh Thị Lan Anh	28/01/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M07	22.35
10	Võ Phan Quỳnh Như	04/07/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	M14	25.50
11	Lê Thị Tuyết Nga	04/01/2004	Nữ	7140201	Giáo dục Mầm non	M05	24.55
12	Bùi Thu Uyên	28/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	28.85
13	Nguyễn Thị Khánh Linh	29/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	28.80
14	Đỗ Quỳnh Như	28/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	28.25
15	Trương Thị Hải Châu	01/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	27.20
16	Nguyễn Thị Thúy Diễm	18/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	27.10
17	Phạm Mai Khánh Trang	10/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	26.95
18	Hà Thị Hồng Hạnh	12/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.80
19	Nguyễn Thị Hồng Ly	16/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.80
20	Nguyễn Khánh Huyền	06/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.75
21	Nguyễn Thùy Trang	28/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	26.70
22	Nguyễn Thu Hiền	25/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	26.65
23	Phan Thị Minh Châu	5/1/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.65
24	Trần Hà Phương	06/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	26.45
25	Mai Thị Mỹ Duyên	21/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.45
26	Trần Phương Nhung	07/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	26.35
27	Dương Hà Linh	23/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.25
28	Võ Dương Hòa	05/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	26.25
29	Lê Thị Minh Hiền	05/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.20
30	Trần Thị Thúy Hằng	17/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C14	26.15
31	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	26.15
32	Trần Thị Hiếu Nghĩa	21/04/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	26.05
33	Nguyễn Quỳnh Như	15/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.95

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
34	Hồ Thị Anh Thư	27/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C14	25.90
35	Phan Hương Giang	02/05/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	25.80
36	Hà Khánh Linh	26/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.80
37	Châu Thị Thu Huế	14/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.80
38	Đinh Khánh Huyền	01/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.75
39	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	25/01/2000	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	25.65
40	Lê Nguyễn Như Quỳnh	15/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	25.60
41	Nguyễn Hà Nhi	14/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	25.60
42	Hoàng Thị Sông Hương	02/07/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	25.50
43	Võ Bạch Dương	22/11/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	25.45
44	Hồ Thị Phương Uyên	29/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	D01	25.30
45	Hoàng Trần Anh Thư	25/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C14	25.30
46	Mai Thị Phương Thanh	14/06/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.20
47	Trần Quỳnh Như	02/08/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.15
48	Đinh Thị Thu Hà	20/01/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.05
49	Nguyễn Thị Thanh Hạ	13/05/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.05
50	Trần Hoàng Anh	07/03/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.05
51	Đặng Khánh Linh	16/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	25.05
52	Nguyễn Thị Uyên Vi	09/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	24.85
53	Nguyễn Dương Tú Ngọc	30/09/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	24.75
54	Nguyễn Phương Hoài	18/10/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00	24.45
55	Nguyễn Thị Thanh Hạ	13/05/2004	Nữ	7140205	Giáo dục Chính trị	C19	26.35
56	Trần Trần Ngọc Ánh	26/12/2004	Nữ	7140206	Giáo dục Thể chất	T05	26.05
57	Hoàng Thị Doan	17/01/2004	Nữ	7140206	Giáo dục Thể chất	T00	25.70
58	Trần Thị Linh Chi	12/11/2004	Nữ	7140206	Giáo dục Thể chất	T05	24.20
59	Nguyễn Nữ Mai Trang	15/05/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	D07	28.25
60	Hồ Thị Khánh Ly	27/08/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	27.95
61	Nguyễn Võ Như Trang	16/10/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	27.55
62	Lê Thị Tuyết Nhi	19/05/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	D07	27.45
63	Hồ Thị Mai Ly	27/08/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	27.35
64	Hoàng Hải Yến	17/11/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	27.25
65	Hoàng Thị Cẩm Sương	25/01/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A02	27.10
66	Bùi Thu Uyên	28/10/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A01	27.05
67	Lê Ngọc Đạt	4/12/2004	Nam	7140209	Sư phạm Toán học	A00	26.60
68	Trần Cao Thảo Vy	20/08/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	D07	26.45
69	Liêu Ngọc Trâm	04/09/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	26.15
70	Hà Hoàng Yến	10/09/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	25.90

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
71	Lê Tiến Dũng	29/07/2003	Nam	7140209	Sư phạm Toán học	A00	25.80
72	Nguyễn Thị Hồng Loan	22/11/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	25.15
73	Lê Thị Mỹ Linh	30/07/2004	Nữ	7140209	Sư phạm Toán học	A00	24.45
74	Trần Hà Phương	06/06/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C20	26.75
75	Dương Hà Linh	23/10/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	26.25
76	Đặng Khánh Linh	16/09/2004	Nữ	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00	25.05
77	Nguyễn Nữ Mai Trang	15/05/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	D07	28.25
78	Hồ Thị Khánh Ly	27/08/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00	27.95
79	Lê Thị Tuyết Nhi	19/05/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	D07	27.45
80	Hồ Thị Mai Ly	27/08/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00	27.35
81	Đặng Khánh Huyền	30/10/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	D07	27.25
82	Trần Thị Hiếu Nghĩa	21/04/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	B00	26.95
83	Trần Cao Thảo Vy	20/08/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	D07	26.45
84	Nguyễn Hương Giang	9/1/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00	25.85
85	Trần Thị Thúy Hằng	17/04/2004	Nữ	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	B00	24.75
86	Trần Hà Phương	06/06/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	26.85
87	Mai Thị Mỹ Duyên	21/12/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14	26.15
88	Hồ Thị Phương Uyên	29/03/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	25.30
89	Phan Thị Hồng Hạnh	09/03/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	25.10
90	Nguyễn Thị Phương Thanh	03/02/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D09	25.10
91	Nguyễn Thành Đạt	20/01/2004	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	D09	25.05
92	Nguyễn Huyền Nguyệt Ánh	10/10/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	24.65
93	Đinh Nữ Cẩm Ly	19/05/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D09	24.45
94	Lương Yến Nhi	22/10/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	24.10
95	Nguyễn Thị Hương Giang	20/08/2002	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	23.75
96	Trần Phương Ngọc	11/07/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	23.15
97	Hoàng Tấn Dũng	08/11/2002	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	22.25
98	Đinh Thị Ngọc Ánh	05/05/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D14	22.15
99	Hoàng Nữ Tuyết Trinh	04/01/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	21.90
100	Nguyễn Nguyên Anh	03/11/2004	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	20.65
101	Trần Thị Thùy Trang	25/09/2004	Nữ	7220201	Ngôn ngữ Anh	D15	20.40
102	Nguyễn Hoàng Thái	2/1/1996	Nam	7220201	Ngôn ngữ Anh	D01	19.55
103	Trần Nguyễn Quỳnh Chi	9/3/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	27.35
104	Nguyễn Thị Hà Duyên	10/4/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D14	25.10
105	Đinh Thị Hà Vi	16/01/2005	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D09	24.95
106	Lê Thị Hoài Thi	01/07/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	24.35
107	Đinh Lê Ly Na	01/03/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	23.75

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
108	Đàm Văn Cường	12/03/2002	Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	23.35
109	Đặng Thị Yến Vi	30/09/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	23.10
110	Hoàng Việt Nhật	31/08/2004	Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	22.45
111	Đinh Thị Quỳnh Trang	01/04/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D09	22.05
112	Trần Thị Nguyệt Nga	15/11/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D15	21.90
113	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/3/2002	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	21.35
114	Trần Thị Hải Yến	09/04/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	20.75
115	Lê Thanh Gia Lương	01/04/2004	Nam	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	20.65
116	Lê Hà My	1/8/2003	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D09	20.50
117	Trần Thị Thúy Hằng	14/12/2004	Nữ	7310501	Địa lý học	C20	22.70
118	Phạm Sinh Hùng	16/08/2004	Nam	7310501	Địa lý học	C20	21.95
119	Đỗ Quỳnh Như	28/01/2004	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	C02	26.95
120	Dương Thuỷ Phương	8/3/2003	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	26.80
121	Trần Thị Huyền Nga	6/1/2004	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	A01	25.70
122	Trần Thị Như Ngọc	4/12/2003	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	23.85
123	Trần Quỳnh Liên	26/02/2004	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	23.55
124	Nguyễn Thị Hương Giang	15/06/2003	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	21.95
125	Mai Thị Hiền	14/05/2004	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	21.45
126	Lê Nhật Linh	14/05/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	A00	21.45
127	Hoàng Văn Tuấn	01/08/2004	Nam	7340101	Quản trị kinh doanh	C02	20.55
128	Lê Hà My	1/8/2003	Nữ	7340101	Quản trị kinh doanh	D01	19.70
129	Lê Đức Duy	04/06/2004	Nam	7340301	Kế toán	A00	28.00
130	Phan Thị Thanh Nhân	28/09/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A00	26.50
131	Trương Đình Nghĩa	04/01/2003	Nam	7340301	Kế toán	A00	25.05
132	Đặng Phạm Yến Nhi	13/12/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A00	24.75
133	Tôn Nữ Ánh Ngọc	17/03/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A00	24.50
134	Phạm Thị Phương Anh	28/03/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A00	24.10
135	Lê Thị Huyền Trang	12/6/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A01	23.95
136	Đặng Thị Hiền	05/01/2004	Nữ	7340301	Kế toán	A00	23.65
137	Trần Quỳnh Liên	26/02/2004	Nữ	7340301	Kế toán	D01	23.55
138	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/08/2003	Nữ	7340301	Kế toán	A00	23.50
139	Phạm Thị Tú Liên	09/08/2004	Nữ	7340301	Kế toán	D01	23.35
140	Võ Kiều Oanh	2/10/2004	Nữ	7340301	Kế toán	D01	22.60
141	Nguyễn Lệ Hằng	02/06/2004	Nữ	7340301	Kế toán	D01	22.15
142	Nguyễn Ngọc Linh Nhi	29/04/2004	Nữ	7340301	Kế toán	D01	21.90
143	Trần Anh Quân	14/01/2004	Nam	7340301	Kế toán	A00	21.65
144	Đặng Thị Hoài Thương	14/03/2004	Nữ	7340301	Kế toán	C02	21.35

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
145	Đoàn Thị Chính	27/01/1993	Nữ	7340301	Kế toán	A00	21.15
146	Hà Trọng Nghĩa	5/3/2004	Nam	7340301	Kế toán	A01	20.65
147	Nguyễn Thị Thắm	26/01/1999	Nữ	7340301	Kế toán	D01	20.60
148	Trương Thị Thùy Trang	18/10/1999	Nữ	7340301	Kế toán	D01	20.25
149	Lê Hà My	1/8/2003	Nữ	7340301	Kế toán	D01	19.70
150	Lê Đức Duy	04/06/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A00	28.00
151	Đặng Phạm Yến Nhi	13/12/2004	Nữ	7480201	Công nghệ thông tin	A00	24.75
152	Võ Trần Minh Hiếu	31/05/1999	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A02	24.05
153	Nguyễn Thị Thanh Hạ	13/05/2004	Nữ	7480201	Công nghệ thông tin	A00	23.45
154	Phùng Trung Anh	27/09/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A02	23.25
155	Lê Huy Hoàn	11/6/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A01	23.10
156	Đinh Cao Linh	2/1/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A00	22.95
157	Trần Lê Nam	22/02/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A01	22.35
158	Hoàng Tấn Dũng	08/11/2002	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	D01	22.25
159	Đỗ Nguyên Phong	19/07/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	D01	21.65
160	Nguyễn Huy Hoàng	11/05/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A00	20.40
161	Phạm Sinh Hùng	16/08/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	A02	20.35
162	Hoàng Trọng Bình	3/5/2004	Nam	7480201	Công nghệ thông tin	D01	20.10
163	Bùi Văn Thắng	26/09/2004	Nam	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C03	23.20
164	Hoàng Thị Diệu Thúy	15/07/2004	Nữ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C04	21.90
165	Nguyễn Huy Hoàng	11/05/2004	Nam	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C04	21.20
166	Nguyễn Minh Long	24/07/2000	Nam	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C04	21.10
167	Lưu Thị Bảo Ngọc	25/01/1998	Nữ	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C03	19.65
168	Trần Thị Hồng Thơm	13/04/2001	Nữ	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	A00	24.75
169	Đặng Phạm Yến Nhi	13/12/2004	Nữ	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	A00	24.75
170	Mai Quỳnh Chi	15/06/2004	Nữ	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	B03	24.25
171	Trương Mạnh Quyền	24/10/2003	Nam	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	A00	22.95
172	Nguyễn Hồ Quốc Bảo	22/09/2004	Nam	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	C04	22.55
173	Lưu Thị Bảo Ngọc	25/01/1998	Nữ	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	C04	18.75
174	Nguyễn Nguyên Thảo	21/01/2004	Nữ	51140201	Giáo dục Mầm non	M07	23.05
175	Phan Khánh Huyền	01/12/2004	Nữ	7140202	Giáo dục Tiểu học	C00	24.95
176	Cao Thị Dung	28/02/2004	Nữ	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	D01	25.80
177	Hồ Văn Tuấn	15/01/2004	Nam	7620101	Nông Nghiệp	B03	23.95
178	Lê Quang Tùng	25/04/2004	Nam	7620101	Nông Nghiệp	A00	19.65
179	Lê Quang Vinh	02/12/2004	Nam	7620101	Nông Nghiệp	C13	19.95
180	Đinh Thị Thanh Huyền	21/09/2004	Nữ	7620101	Nông Nghiệp	A09	19.85
181	Hồ Thị Kiều	23/11/2004	Nữ	7620101	Nông Nghiệp	A00	20.15

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã ngành	Ngành đủ điều kiện trúng tuyển	Mã tổ hợp	Tổng điểm
182	Hồ Thị Quế	10/05/2004	Nữ	7620101	Nông Nghiệp	C13	24.75
183	Hồ Thị Yếu Mi	29/07/2004	Nữ	7620101	Nông Nghiệp	C13	19.45
184	Nguyễn Thị Dương	15/07/2003	Nữ	7620101	Nông Nghiệp	B03	20.95
185	Hồ Văn Chỏi	10/02/2004	Nam	7620101	Nông Nghiệp	A00	20.85
186	Hồ Huy	22/12/2004	Nam	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	C04	19.25
187	Trương Mạnh Quyền	24/10/2003	Nam	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	B03	21.55
188	Phạm Tuấn Nghĩa	03/02/2003	Nam	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	D01	20.05

Danh sách gồm 188 nguyện vọng thí sinh./